TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22/8/2025
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thanh Lợi và bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Hợp là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – An Giang tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 305/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025; Về *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 619/TB-TA ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hà Thị R, sinh năm 1986 (có mặt).

Nơi cư trú: Tổ A, ấp M, xã V, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện nay: Số B ấp Q, xã N, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1986 (có mặt).

Nơi cư trú: Tổ A, ấp M, xã V, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hà Thị R trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông T chung sống với nhau vào năm 2012, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 106, ngày 03/8/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, do ông T thường tới lui, lén lút trở về sinh sống cùng với người vợ

trước đã ly hôn, không quan tâm, chăm lo gì cho vợ con, một mình bà phải quán xuyến, chăm lo hết cho gia đình, bà có khuyên nhiều lần nhưng ông T không sửa đổi nên hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ tháng 11/2023 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được tình cảm với nhau, không có nói chuyện với nhau, chuyện của ai nấy làm, không còn tiếng nói chung.

Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn T.

- Về con chung: Bà và ông T có 02 (hai) con chung là Phạm Thị Kim T1, sinh ngày 24/11/2012 và Phạm Thị Kim X, sinh ngày 25/01/2019. Hiện nay, cháu T1 đang sống cùng với ông T, còn cháu X đang sống cùng với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi các con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi các con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2025 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông thống nhất toàn bộ nội dung trình bày của bà Hà Thị R về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như bà R trình bày, ngoài ra do phía bên vợ nói vợ buồn bực nên xin phép cho vợ về gia đình vợ chơi vài ngày rồi vợ bỏ đi cho đến nay không chịu về nhà ông, ngoài ra không có mâu thuẫn gì khác. Vợ chồng ly thân khoảng tháng 11 năm 2023 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được tình cảm với nhau, mâu thuẫn ngày ngày trầm trọng hơn.

Nay trước yêu cầu ly hôn của bà R ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân có kéo dài cũng không còn hạnh phúc nên ông đồng ý ly hôn với bà R.

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Phạm Thị Kim T1, sinh ngày 24/11/2012 và Phạm Thị Kim X, sinh ngày 25/01/2019. Hiện nay, cháu T1 đang sống cùng với ông, còn cháu X đang sống cùng với bà R. Khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T1 và đồng ý để cháu X cho bà R được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng nuôi cháu X và cũng không yêu cầu bà R cấp dưỡng nuôi cháu T1.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Bà R trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông T. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu X và thống nhất giao cháu T1 cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu X và bà không cấp dưỡng nuôi cháu T1. Bà không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

- Ông T trình bày: Ông đồng ý ly hôn với bà R. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T1 và thống nhất giao cháu X cho bà R được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông không yêu cầu bà R cấp dưỡng nuôi cháu T1 và ông không cấp dưỡng nuôi cháu X. Ông không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – An Giang phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Hà Thị R và ông Phạm Văn T. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Phạm Thị Kim X cho bà R được trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Thị Kim T1 cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Do bà R, ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không đề cập xem xét, giải quyết. Về án phí sơ thẩm: Đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà R khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung đối với ông T nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*. Ông T có nơi cư trú tại ấp M, xã V, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2025.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về hôn nhân*: Bà R và ông T chung sống với nhau năm 2011, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã V, tỉnh An Giang) theo quy định của pháp luật nên xét hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

[2.2] Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng nay giữa ông bà đã xảy ra mâu thuẫn nhưng vẫn không giải quyết được để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà R yêu cầu ly hôn và ông T cũng đồng ý ly hôn. Điều này cho thấy, ông bà không muốn đoàn tụ với nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa ông bà đã thật sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, việc thuận tình ly hôn giữa ông bà là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly

hôn giữa bà R và ông T là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – An Giang.

[2.2] *Về con chung*: Bà R và ông T có 02 (hai) con chung là Phạm Thị Kim T1, sinh ngày 24/11/2012 và Phạm Thị Kim X, sinh ngày 25/01/2019. Hiện nay, cháu T1 đang sống cùng với ông T, còn cháu X đang sống cùng với bà R. Tại phiên tòa, bà R và ông T thống nhất giao cháu X cho bà R được trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu T1 cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời, hiện nay cháu T1 trên 07 tuổi và tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 15/7/2025 cháu T1 có nguyện vọng được sống cùng cha. Xét thấy, việc thỏa thuận của bà R và ông T là hoàn toàn tự nguyện và đảm bảo về sự phát triển mọi mặt của con chung nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà R, ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật:

Căn cứ vào Điều 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ông T là người không trực tiếp nuôi dưỡng cháu X bà bà R là người không trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 nhưng có quyền đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Bà R, ông T và các thành viên trong gia đình không được cản trở nhau đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà R, ông T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Do bà R là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên bà R phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2025.

Căn cứ vào Điều 19, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hà Thị R và ông Phạm Văn T.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận, giao con chung là Phạm Thị Kim X, sinh ngày 25/01/2019 cho bà Hà Thị R được trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là Phạm Thị Kim T1, sinh ngày 24/11/2012 cho ông Phạm Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà R, ông T và các thành viên trong gia đình không được cản trở nhau đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Hà Thị R phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0009714 ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú nên bà R không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Bà Hà Thị R, ông Phạm Văn T có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 13 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 13 – An Giang;
- UBND xã Vĩnh Thạnh Trung, tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Cẩm Xuyến